



```
; (function($) { $(document).ready(function() { $("#owl-slider-1190").owlCarousel({ items: 4, lazyLoad: true, navigation: true, pagination: false, itemsDesktop: [1199, 3], itemsDesktopSmall: [979, 2], itemsTablet: [768, 4], itemsMobile: [479, 3], }); $("#owl-slider-1190 img").click(function() { var imgMain = $(".imageRoot"), a_imgMain = $(".link-imageRoot"), src = $(this).attr("data-href"), srcFull = $(this).attr("data-full"); imgMain.attr({ 'src': src, 'data-full': srcFull }); a_imgMain.attr("href", srcFull); });
```

}); }(jQuery));

Van Một Chiều hơi Gang Ren

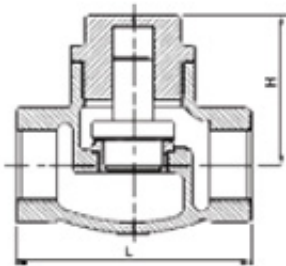
Mã Sản Phẩm: KGMC-16K
Bảo hành: 6 Tháng
Hãng sản xuất: KING GATE
Xuất xứ: Đài Loan

Giá bán: **Liên hệ**

Van 1 Chiều Gang Dẻo Ren

KGMC-16K

 KING GATE Ductile Iron Lift Check Valve (Screwed Type)



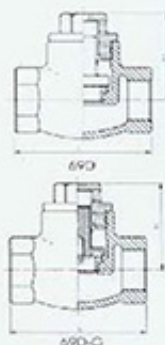
Bộ Phận	Chất liệu
Thân Van	Gang Dẻo FCD 45
Nắp Chụp	Gang Dẻo FCD 45
Đĩa Van	Thép Không gỉ SUS 410
Vòng Đệm Thân	Thép Không gỉ SUS 410

Áp suất vận hành	16 kg/cm ²
Non-shock water under 120°C	14 kg/cm ²
Hơi, khí, dầu, dòng xung dưới 220°C	10 kg/cm ²
Áp suất thủy tĩnh	
Vô	20 kg/cm ²
Đế	15 kg/cm ²

Kích thước		Đơn vị: mm					
Inch	3/8	1/2	3/4	1	1 1/4	1 1/2	2
Size	10	15	20	25	32	40	50
L	65	65	80	90	105	120	140
H	37	37	48	52	64	74	83

Ductile Iron Lift Check Valve

JIS-10K KGMC-16K



零件及材質表 Partss and materials list

零件 Part	材質 Material
閥體 Body	FCD 45
閥蓋 Bonnet	FCD 45
閥門 Disc	SUS 410
閥體座環 Body seat ring	SUS 410
彈簧 Spring	SUS 304
座環 Disc ring	Vaon
閥蓋座環 Bonnet ring	SUS 410

標稱壓力 Working pressure marking	16 kgf/cm ²
120°C以下之靜流水 Non-shock water under 120°C	14 kgf/cm ²
220°C以下之蒸汽、氣體、油、脈動水 Steam, Air, Oil, Pulse stream under 220°C	10 kgf/cm ²
試驗壓力(水壓) Hydrostatic test pressure	20 kgf/cm ²
閥體 Shell	20 kgf/cm ²
閥座 Seat	15 kgf/cm ²

詳細尺寸 Dimension

單位 Unit : 公釐 mm

規格	3/8	1/2	3/4	1	1 1/4	1 1/2	2
Size	10	15	20	25	32	40	50
L	65	65	80	90	105	120	140
H	37	37	48	52	64	74	83

* VTON 墊片 最高使用溫度 204°C (400°F)

Sản phẩm khác



—

Giá bán: **Liên hệ**

[Van 1 chiều gang Jaki](#)

[Xem thêm Van 1 chiều gang Jaki](#)



—

Giá bán: **Liên hệ**

[Van 1 chiều cánh bướm Jaki](#)

[Xem thêm Van 1 chiều cánh bướm Jaki](#)

Giá bán: **Liên hệ**

[Dual Plate Check Valve II](#)

[Xem thêm Dual Plate Check Valve II](#)



Giá bán: **Liên hệ**

[Wafer Flange Check Valve](#)

[Xem thêm Wafer Flange Check Valve](#)



—

Giá bán: **Liên hệ**

[Flanged Ball Check Valve](#)

[Xem thêm Flanged Ball Check Valve](#)



—

Giá bán: **Liên hệ**

[DIN Rubber Flapper Check Valve](#)

[Xem thêm DIN Rubber Flapper Check Valve](#)